

Bản án: 656/2022/DS-PT

Ngày: 19 - 9 - 2022

V/v: “*Tranh chấp di sản thừa kế và tranh chấp quyền sử dụng đất, tiền bồi thường do thu hồi quyền sử dụng đất*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Long

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Nguyễn Văn Túu

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Duy Minh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 19 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 127/2022/TLPT-DS ngày 27 tháng 4 năm 2022 về việc “*Tranh chấp di sản thừa kế và tranh chấp quyền sử dụng đất, tiền bồi thường do thu hồi quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 8 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1756/2022/QĐ-PT ngày 29 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1961; địa chỉ: 42 Đường B, khu phố 2, phường P, thành phố B, tỉnh B (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dương Thanh T, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 16, Ấp Đ, xã H, thành phố B, tỉnh B theo hợp đồng ủy quyền ngày 08/11/2011(có mặt).

- ***Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1956; địa chỉ: 09 Trần Hưng Đạo, khu phố L, huyện L, tỉnh B (có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Văn L, sinh năm 1951 và bà Đoàn Thị H, sinh năm 1951; địa chỉ: 79T khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh B (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1953; địa chỉ: 70A phu phố Long T (nay là số 32 đường B), thị trấn L, huyện L, tỉnh B (có mặt).

3. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1957, quốc tịch Canada; địa chỉ: 408-2233

Zane North York ON.M3M 1A6 (vắng mặt).

4. Ông Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 1951, quốc tịch: Canada; địa chỉ: 7225 APT 306 rue Lanzeunesse Montreal QC Canada H2R 3C3 (vắng mặt).

5. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959; quốc tịch Canada; địa chỉ: 7567 Rue Durocher QC Canada H3N 2A2 (vắng mặt).

6. Ông Nguyễn Hùng M, sinh năm 1963; địa chỉ: 7980 APP5. Rue Stuart Montreal QC Canada H3N2R8 (vắng mặt).

7. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1942; địa chỉ: Số 127/11 phu phố 2 phường T, thành phố B, tỉnh Đ (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông Hai: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1944; địa chỉ: 134 đường Đường B, khu phố 2, phường P, thành phố B, tỉnh B (có mặt).

8. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1944; địa chỉ: 134 đường Đường B, khu phố 2, phường P, thành phố B, tỉnh B (có mặt).

9. Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh B. Địa chỉ trụ sở: 137 đường 27/4 phường P, thành phố B, tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Vinh Q - Chức vụ: Quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B (có đơn xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của UBND thành phố B: Ông Trần Thế T, bà Lê Thị Ngọc M (có đơn xin vắng mặt) và ông Trần Chí T (có mặt).

- **Người kháng cáo:** Bà Nguyễn Thị Đ (nguyên đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Dương Thanh T trình bày:

Về gia tộc: Ông Nguyễn Văn L (1917 - 04/7/2011) và bà Nguyễn Thị T (1923 - 26/5/1993) có cha mẹ đều chết trước năm 1945. Ông L và bà T có 7 người con, gồm: ông Nguyễn Ngọc T2, bà Nguyễn Thu T, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Hùng M. Ông L có hai con riêng là ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T. Ngoài ra không còn con nuôi, con riêng nào khác.

Về di sản: Sinh thời ông L, bà T có tạo lập được khối tài sản là quyền sử dụng diện tích 54.107,9m² đất thuộc các thửa 263, 264, 270, 361, 283, 269, 282, 289, 295, 296, 307, 297, 312, 319, 316, 316, 310, 316, 372, 348 tờ bản đồ số 31 (cũ); các thửa số 149, 156, 165, 188A, 171, 172 tờ bản đồ số 32 (cũ) và các thửa số 1, 3, 5, 6, 4, 9, 17, 21, 16, 22 (thửa 22 đã bị thu hồi) tờ bản đồ số 35 tọa lạc tại phường Long Toàn, thành phố Bà Rịa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 499246 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Bà Rịa cấp cho bà Nguyễn Thị L ngày 28/12/1998. Ông L và bà T chết không để lại di chúc.

Bà Nguyễn Thị L là chị ruột bà Đ, không có chồng con sống cùng cha mẹ từ nhỏ. Bà L lợi dụng cha không biết chữ, lớn tuổi nên đã giả mạo giấy tờ đăng ký kê khai gian dối để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại quyết định số 1043/QĐ-UB ngày 28/12/1998 của Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Bà Rịa ghi rõ việc cấp giấy cho bà L là do cha ủy quyền.

Nay, bà Đ yêu cầu Tòa giải quyết như sau:

- Xác định quyền sử dụng diện tích 54.107,9m² đất nêu trên là di sản của ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị T.

- Xác định bà Đ là hàng thừa kế và chia cho bà Đ 7.720,7m² quyền sử dụng đất.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 499246 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Bà Rịa cấp cho bà Nguyễn Thị L ngày 28/12/1998.

Tại phiên tòa đại diện ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án quy đổi quyền sử dụng đất bà Đ được hưởng bằng tiền vì diện tích đất tranh chấp đã bị thu hồi và bà L đã nhận tiền bồi thường toàn bộ đất là 40 tỷ đồng.

Đối với yêu cầu của ông Trần Văn L và bà Đoàn Thị H thì đề nghị Tòa giải quyết theo pháp luật.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị L trình bày:

Về gia tộc: Bà không có ý kiến gì. Tuy nhiên cha Bà có hai người con riêng là ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T.

Về di sản: Năm 1979, do cuộc sống khó khăn nên cha mẹ bà có cho các con ra nước ngoài, lúc đó phong trào vượt biên rất nhiều. Năm 1979 chị bà là Nguyễn Ngọc T2 dẫn Nguyễn Thị Đ ra đi, đến năm 1984 Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị N, Nguyễn Hùng M ra đi. Khi đi cha mẹ đã góp tiền cho chủ ghe và cho mỗi người một ít tài sản (là vàng) để sinh sống nơi xứ người, xem như đây là lần phân chia tài sản cho các chị em.

Thời điểm này cha mẹ bà có sở hữu một phần ruộng diện tích khoảng 3,63 ha (36.300m²) mua lại của bà Huỳnh Thị U năm 1969. Năm 1984, cha mẹ bà có chuyển nhượng lại cho cô Trần Thị T2 khoảng 3.300 m² đất. Năm 1986, do bị ép buộc nên cha mẹ Bà giao cho tập đoàn chỉ xin giữ lại 3 đám để canh tác làm phương tiện sinh sống. Năm 1988, cha mẹ bà được bảo lãnh ra nước ngoài sinh sống, nhưng phút cuối cha bà không đi chỉ có mẹ đi. Trước khi đi mẹ bà có làm thủ tục không có tài sản ở Việt Nam đã có văn bản xin sở xây dựng, phòng xây dựng - quản lý nhà đất Long Đất, ủy ban nhân dân thị trấn L cấp cho bà T giấy xác nhận không còn tài sản nhà đất tại Việt Nam. Sở xây dựng đã có công văn số 192/XD-NĐ ngày 24/8/1988 xác nhận bà T không còn liên quan bất động sản tại Đồng Nai, như vậy mẹ bà không còn tài sản gì ở Việt Nam cho đến khi mất tại nước ngoài (năm 1993). Trước khi đi cha mẹ bà bàn bạc thống nhất giao cho bà toàn bộ số ruộng còn giữ lại để canh tác và chăm sóc phụng dưỡng cha có sự chứng kiến của em gái là Nguyễn Thu T. Bà tiếp quản gia đình từ đó, trên giấy tờ là 3,6ha bán 03 sào, giao tập đoàn, nhưng thực tế chỉ có 7 sào khoảng 7.000m². Cũng vì nhận trách nhiệm này mà bà không lập gia đình, không xuất cảnh mà ở lại chăm sóc cha. Đến năm 1992 nhà nước có chủ trương giao lại đất đã vào tập đoàn trước đây nên bà đã đứng ra làm thủ tục xin lại phần đất trước đây của gia đình, đến năm 1995 nhà nước mới trả lại cha bà. Sau đó, do tuổi già sức yếu và tránh sự tranh giành của các con cũng như để bà được hợp pháp hóa tài sản cha mẹ cho nên cha bà đã làm thủ tục và bà đã được Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Bà Rịa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 499246 ngày 28/12/1998 với tổng diện tích là 61.024,6m² tại phường Long Toàn, thị xã (nay là thành phố) Bà Rịa. Nay, bà Đ yêu cầu chia thừa kế thì bà không đồng ý vì đây là tài sản riêng của bà.

Đối với yêu cầu của ông Lợi, bà H thì bà không đồng ý với yêu cầu trả lại

362,1m² thửa số 372 tờ bản đồ số 31 (nay là 35) tọa lạc tại phường Long Toàn và 153.064.000 đồng tiền bồi thường do thu hồi đất đối với diện tích 805,6m² trong diện tích 1.167,7m² thuộc thửa 372 nêu trên. Trong quá trình làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ông L, bà H không có ý kiến gì, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diễn ra trong thời gian dài nên Ông L, bà H không thể không biết. Ông L, bà H không có chứng cứ chứng minh được diện tích đất tranh chấp là của Ông L, bà H. Diện tích đất thửa 372 là của cha bà là ông L cho, năm 1998 bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi trực tiếp quản lý sử dụng từ năm 1985 bà thuê người canh tác trồng lúa nước, quá trình sử dụng đóng thuế đầy đủ. Năm 2004 nhà nước thu hồi một phần để xây dựng trung tâm dạy nghề bà đã nhận tiền đền bù đầy đủ. Diện tích còn lại là 362,1m² hiện để trống do quy hoạch.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Văn L và bà Đoàn Thị H trình bày:

Ngày 29/10/1980, bà H và ông Trần Văn T có nhận chuyển nhượng của ông Huỳnh Văn B và bà Nguyễn Thị L 2 sớ ruộng muối 37 đám khoảng 13.000m² tại phường Long Toàn, thành phố Bà Rịa giá 15.000 đồng. Ngày 24/11/1981, ông T đã lập giấy tay chuyển nhượng cho vợ chồng ông bà với giá 14.000 đồng. Kể từ đó đến nay ông bà sử dụng diện tích đất này để làm muối và bãi đổ muối. Năm 1993, ông bà làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì đến ngày 10/10/1998 thì Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Bà Rịa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 143020 với diện tích 12.176m² bao gồm các thửa 1, 2, 3, 4A, 10, 21, 22 tờ bản đồ số 35. Tuy nhiên thửa 4A là đất của ông Tám bị cấp nhầm nên ngày 22/6/2004 thì phòng địa chính thị xã Bà Rịa đã chỉnh lý bỏ thửa đất này. Diện tích đất 1.167,7m² đất thuộc thửa 372 tờ bản đồ 31 phường Long Toàn ông bà đăng ký kê khai, sử dụng ổn định từ năm 1993 đến nay. Năm 2004, nhà nước thu hồi đất thửa số 02 và 01 để xây dựng Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ việc làm khu vực Đông Nam Bộ thì ông bà mới phát hiện bà Nguyễn Thị L đã lấn chiếm diện tích 1.167,7m² đất thuộc thửa 372 của ông bà, bà L đã kê khai và được cấp giấy, hiện nhà nước cũng đã thu hồi 805m², diện tích đất còn lại 362,1m².

Nay, ông bà khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị L trả lại 362,1m² thửa 372 tờ bản đồ 35 tọa lạc tại phường Long Toàn, thành phố Bà Rịa và 153.064.000 đồng tiền đền bù diện tích đất nhà nước đã thu hồi mà bà L nhận.

Ông bà đồng ý với sơ đồ vị trí ngày 14/01/2015 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bà Rịa và biên bản định giá ngày 14/8/2018 của Tòa án, không yêu cầu đo vẽ, định giá lại.

2. Bà Nguyễn Thu T trình bày:

Bà là chị của bà Đ và bà L. Về gia tộc đúng như bà Đ, bà L trình bày. Về tài sản thì trước năm 1975 cha mẹ Bà có mua của bà Huỳnh Thị U 36.300m² đất tại Gò Cao Vũng Vần Long Điền. Năm 1979 chị Nguyễn Ngọc T2 và Nguyễn Thị Đ vượt biên thì cha mẹ Bà ngoài số vàng phải trả cho chủ ghe còn cho thêm một số vàng đem theo vì lúc đó ra đi không ai biết sẽ có ngày về. Năm 1984 em Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị N, Nguyễn Hùng M cũng vượt biên và được cha mẹ cho y như vậy. Năm 1984 cha mẹ bà có bán khoảng 3.000m² cho bà Trần Thị T2. Năm 1986 cha mẹ bà bị áp lực của chính quyền địa phương phải giao sớ ruộng cho nhà nước quản lý chỉ giữ lại 0,7 ha canh tác sinh sống. Năm 1988, mẹ bà đã xuất cảnh sang Canada, trước khi xuất cảnh

mẹ bà đã có văn bản xin Sở xây dựng, Phòng xây dựng - quản lý nhà đất Long Đất, Ủy ban nhân dân thị trấn L cấp cho bà T giấy xác nhận không còn tài sản nhà đất tại Việt Nam. Sở xây dựng đã có công văn số 192/XD NĐ ngày 24/8/1988 xác nhận bà T không còn liên quan bất động sản tại Đồng Nai. Sau khi mẹ bà đi xuất cảnh cha bà đã giao 0,7 ha cho bà L canh tác, sản xuất phụng dưỡng cha, bà L còn khai khẩn thêm và đi xin lại ruộng, bao lần đi lại đến năm 1995 mới được nhà nước trả lại. Năm 1995 cha bà sợ mấy anh chị em tranh giành nhau dẫn đến thừa kiện xấu hổ gia tộc nên mới kêu Bà chở xuống ủy ban làm giấy ủy quyền cho bà L. Trước sự chứng kiến của chính quyền và bà, cha bà đã làm ủy quyền tặng cho bà L toàn bộ tài sản là diện tích đất đang tranh chấp. Sau này khi có chương trình cho người vượt biên về thăm quê hương chị và các em bà trở về thăm cha thường xuyên. Lúc này cha bà còn minh mẫn nên bà có hỏi lại một lần nữa “*Ba có thay đổi việc phân chia tài sản lại hay không?*” thì cha bà trả lời rằng “*phần ruộng đó của em Lý khổ công khai khẩn và xin lại thì là của em nó, không chia cho ai hết*”. Năm 2003 cha bà bị bệnh tai biến nằm bệnh viện 115 một tháng có bà và bà L chăm sóc, chạy chữa mới bình phục nhưng một bên chân đã yếu và tinh thần không còn minh mẫn, bà L là người nuôi dưỡng chăm sóc cho đến cuối đời.

Nay, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Đ vì toàn bộ tài sản cha bà đã cho em gái là bà L, không tranh chấp. Trong trường hợp Tòa án có căn cứ để chia di sản thừa kế thì phần của bà cho bà L. Do bận việc nên bà xin Tòa án giải quyết vắng mặt.

3. Các ông bà Nguyễn Ngọc T2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị N, Nguyễn Hùng M trình bày:

Các Ông Bà có 7 anh chị em, các ông bà vượt biên năm 1979 và năm 1984. Khi đi ngoài số vàng đóng cho chủ ghe cha mẹ còn cho thêm mỗi người một số vàng để làm vốn sinh sống, vì lúc đó ra đi là không biết có ngày về. Năm 1988 Mẹ các ông bà đi Canada theo diện đoàn tụ và mất năm 1993. Khi đi mẹ các ông bà không còn tài sản tại Việt Nam theo pháp luật lúc bấy giờ. Ở Việt Nam còn có cha các ông bà là ông Nguyễn Văn L (mất năm 2011) và chị Nguyễn Thu T, Nguyễn Thị L. Sau khi được chính quyền cho phép Việt kiều về thăm quê hương các Ông Bà có về thăm gia đình, lúc đó cha đã giao lại tài sản cho Nguyễn Thị L được toàn quyền sử dụng (vì bà L không lập gia đình và phụng dưỡng Ông), tất cả các ông bà đều đồng ý. Vì thế năm 1995, cha các ông bà đã ra chính quyền địa phương ký giấy giao toàn bộ tài sản cho bà Nguyễn Thị L và bà L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp. Không hiểu vì lý do gì mà bà Nguyễn Thị Đ lại về đòi quyền thừa kế (vì thực tế cha của các ông bà đâu còn tài sản gì). Các ông bà khẳng định tài sản đang tranh chấp là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị L, bà Đ không có tư cách gì để đòi chia. Vì điều kiện ở xa nên các ông bà xin giải quyết vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị T và là đại diện ủy quyền của ông Nguyễn Văn H trình bày:

Cha mẹ bà là ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị Tám, mẹ bà chết năm 1946, bà có 4 anh em là Nguyễn Văn H sinh năm 1942, Nguyễn Văn Ba mất năm 1948, Nguyễn Thị T tự sinh năm 1944, Nguyễn Thị Năm mất năm 1946. Sau khi mẹ bà mất cha bà kết hôn với bà Nguyễn Thị T. Trong thời gian chung sống cha mẹ bà không tạo lập được tài sản gì. Khi chung sống với bà T mới có tài sản. Tài sản đang tranh chấp là cha bà và mẹ kế đều do Nguyễn Thị L quản lý, trông coi và chịu trách nhiệm thờ cúng ông bà cha mẹ. Hiện bà Đ tranh chấp tài sản bà không có ý kiến gì và không có yêu cầu chia

di sản của cha.

5. Ông Nguyễn Văn H trình bày:

Về gia tộc ông thống nhất với trình bày của bà T. Mẹ ông chết không tìm thấy xác trong chiến tranh khi anh em ông còn nhỏ. Cha mẹ ông không có tài sản chung, tài sản hiện tranh chấp là do cha ông và bà T tạo lập. Ông không có yêu cầu gì, do tuổi cao ông ủy quyền cho em là bà T tham gia tố tụng.

6. Ủy ban nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: Không tham gia tố tụng nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Người làm chứng:

1. Ông Trần Văn T trình bày:

Ngày 29/10/1980, ông và bà Đoàn Thị H nhận chuyển nhượng của ông Huỳnh Văn B và bà Nguyễn Thị L 2 sớ ruộng muối 37 đám tương đương khoảng 13.000m² bao gồm cả gò đất dùng làm bãi đổ muối với giá 15.000 đồng, đất này nay tọa lạc tại phường Long Toàn, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Năm 1981, ông chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất của ông cho vợ chồng bà H với giá 14.000 đồng. Sau khi nhận chuyển nhượng thì Ông L, bà H sử dụng toàn bộ diện tích đất trên để làm muối, bãi đổ muối và làm đường cho xe chạy vào chở muối, Ông L, bà H không tranh chấp với ai. Từ trước tới nay thì bà L không canh tác trên diện tích đất này. Việc bà L kê khai và được Ủy ban cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 372 tờ bản đồ số 31 phường Long Toàn, thành phố Bà Rịa là không đúng với nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của ông Lợi, bà H.

2. Ông Huỳnh Văn Sơn trình bày:

Ông là con ruột của ông Huỳnh Văn B và bà Nguyễn Thị L là người chuyển nhượng 02 sớ ruộng 37 đám cho bà H, ông T năm 1980. Nguồn gốc diện tích đất là do ông Đỗ Văn Nhảy bán cho ông Năm Quý gồm 47 đám, ông Quý chết nên vợ ông Quý không canh tác mà bỏ hoang. Sau đó cha Ông là ông Huỳnh Văn B chuộc lại đất, đến năm 1980 thì cha Ông chuyển nhượng lại diện tích đất này cho ông T bà H. Sau khi nhận chuyển nhượng thì vợ chồng bà H sử dụng toàn bộ diện tích đất làm muối, bãi đổ muối và làm đường cho xe chạy vào chở muối. Từ trước tới nay thì bà L không canh tác trên diện tích đất này. Việc bà L kê khai và được Ủy ban cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 372 tờ bản đồ số 31 phường Long Toàn, thành phố Bà Rịa là không đúng với nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của ông Lợi, bà H.

3. Ông Bùi Văn Hạnh trình bày:

Trước đây ông là người làm thuê cho vợ chồng ông Huỳnh Văn B và bà Nguyễn Thị L nên ông biết rõ về nguồn gốc đất tranh chấp cụ thể: Phần ruộng của ông B và bà L có 37 đám trong đó có diện tích thửa 372 tờ bản đồ số 31 phường Long Toàn, thành phố Bà Rịa. Sau đó ông B và bà L chuyển nhượng diện tích đất này cho ông Trần Văn T, rồi ông T chuyển nhượng lại toàn bộ diện tích đất lại cho ông Lợi và bà H, giá chuyển nhượng của hai bên thì ông không rõ. Sau khi chuyển nhượng thì vợ chồng bà H sử dụng đất này làm muối, bãi đổ muối và làm đường cho xe chạy vào chở muối và cũng không có tranh chấp với ai. Từ trước tới nay thì bà L không canh tác trên diện tích đất này. Việc bà L kê khai và được Ủy ban cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 372 tờ bản đồ số 31 phường Long Toàn, thành phố Bà Rịa là không đúng với nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của ông Lợi, bà H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 8 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định:

Áp dụng Điều 228, điểm g Khoản 1 Điều 217, Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 631, 634, 635 Bộ luật dân sự 2005; Nghị quyết 326/2016/VBTQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L và bà Đoàn Thị H về việc tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu đòi tiền bồi thường do thu hồi đất đối với bà Nguyễn Thị L.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ đối với bà Nguyễn Thị L.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 17/7/2020, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Dương Thanh T, kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng:

- Công nhận quyền sử dụng đất tổng diện tích 54.107,9m² đất tại thửa đất 263, 264, 269, 270, 282, 283, 289, 295, 296, 297, 306, 307, 310, 311, 312, 318, 319, 348, 361, 372 tờ bản đồ số 31; các thửa đất số 149, 156, 165, 171, 172, 188A (314) tờ bản đồ số 32 và các thửa đất số 1, 3, 4, 5, 6, 9, 16, 17, 21, 22 tờ bản đồ 36 tọa lạc tại phường Long Toàn, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là di sản thừa kế của cha mẹ bà Nguyễn Thị Đ là ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị T và phân chia di sản thừa kế theo pháp luật cho các đồng thừa kế hợp pháp.

- Công nhận bà Nguyễn Thị Đ là người thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản thừa kế do cha mẹ bà Đ để lại trong khối di sản diện tích đất 54.107,9m² thuộc các thửa 263, 264, 269, 270, 282, 283, 289, 295, 296, 297, 306, 307, 310, 311, 312, 316, 319, 348, 361, 372 tờ bản đồ số 31; các thửa đất số 149, 156, 165, 111, 112, 188A (314) tờ bản đồ số 32 và các thửa đất số 1, 3, 4, 5, 6, 9, 16, 17, 21, 22 tờ bản đồ 36 tọa lạc tại phường Long Toàn, thành phố Bà Rịa và chia thừa kế cho bà Đ giá trị quyền sử dụng đất 7.729,7m² theo giá Nhà nước đã bồi thường (bà L đã nhận bồi thường). Buộc bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ giao cho bà Nguyễn Thị Đ giá trị quyền sử dụng đất 7.729,7m² đất theo giá Nhà nước đã bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất nêu trên.

- Miễn nộp tiền án phí cho bà Nguyễn Thị Đ do bà Đ là người cao tuổi.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Dương Thanh T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bà Nguyễn Thị L cho rằng đã được cha bà tặng cho toàn bộ khối tài sản nêu trên nên Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử là có căn cứ, hợp lý, hợp tình nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của đương sự đảm bảo quy định pháp luật về nội dung và thời hạn kháng cáo.

- Về quan điểm giải quyết đối với đơn kháng cáo: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ là có căn cứ. Tại phiên tòa, người kháng cáo không cung cấp được tình tiết nào mới để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và có cơ sở. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Dương Thanh T đúng về nội dung, hình thức và được nộp trong thời hạn luật định nên là kháng cáo hợp lệ.

Bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện cho rằng ông L và bà T là cha mẹ của bà và bà Nguyễn Thị L. Sinh thời cha mẹ bà có tạo lập được khối tài sản là quyền sử dụng diện tích 54.107,9m² đất thuộc các thửa 263, 264, 270, 361, 283, 269, 282, 289, 295, 296, 307, 297, 312, 319, 316, 316, 310, 316, 372, 348 tờ bản đồ số 31 (cũ); các thửa số 149, 156, 165, 188A, 171, 172 tờ bản đồ số 32 (cũ) và các thửa số 1, 3, 5, 6, 4, 9, 17, 21, 16, 22 (thửa 22 đã bị thu hồi) tờ bản đồ số 35 tọa lạc tại phường Long Toàn, thành phố Bà Rịa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 499246 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Bà Rịa cấp cho bà Nguyễn Thị L ngày 28/12/1998. Ông L bà T chết không để lại di chúc.

Bà L lợi dụng cha không biết chữ, lớn tuổi nên đã giả mạo giấy tờ đăng ký kê khai gian dối để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại quyết định số 1043/QĐ-UB ngày 28/12/1998 của Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Bà Rịa ghi rõ việc cấp giấy cho bà L là do cha ủy quyền.

Do đó Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp di sản thừa kế và tranh chấp quyền sử dụng đất, tiền bồi thường do thu hồi quyền sử dụng đất” còn thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết là đúng theo quy định tại Điều Điều 34, khoản 1 Điều 37 và điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuy nhiên, Tòa sơ thẩm khi giải quyết vụ án còn có một số thiếu sót, vi phạm như sau:

+ Về Tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp di sản thừa kế nên cần xác định đầy đủ hàng thừa kế, cũng như người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng. Tuy nhiên Tòa sơ thẩm xác định tư cách người tham gia tố tụng còn thiếu, cụ thể là: căn cứ biên bản lấy lời khai ngày 23/5/2017 (BL 150) thể hiện nội dung bà L xác nhận bà Nguyễn Thị N chết ngày 24/11/2016, điều này cũng phù hợp với kết quả trả lời của Bộ Tư pháp bang Quebec, Canada thông báo không thực hiện được ủy thác tư pháp do người nhận đã qua đời theo thông tin con gái là Ngọc Bằng Lăng Vương sống cùng địa chỉ. Như vậy theo quy định tại Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự thì cần xác định người kế thừa quyền, nghĩa vụ

tổ tụng. Tuy nhiên cấp sơ thẩm không thực hiện là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

+ Về nội dung:

Tại biên bản làm việc ngày 09/5/2013 (BL 143-144) bà Nguyễn Thị L thừa nhận Văn bản ủy quyền ngày 14/8/1995 thể hiện “tôi chỉ nghe cha tôi nói lại là cha tôi nhờ một người cháu trong dòng họ viết văn bản ủy quyền. Tôi không biết cụ thể cha tôi nhờ ai” và đối với nội dung tại Đơn xin tạm giao ruộng lúa lập ngày 03/5/1986 thể hiện “Tôi nghe cha tôi nói lại là cha tôi có nhờ em dâu tôi tên là Nguyễn Thị Thanh H (vợ Nguyễn Văn T1) viết đơn xin tạm giao ruộng lúa tại nhà tôi...” Cả 02 văn bản trên đều được ông L ký trực tiếp vào đơn. Do đó cần thu thập để làm rõ, mặc dù phía nguyên đơn không có yêu cầu giám định chữ ký vì không có mẫu so sánh, tuy nhiên chữ ký trong Văn bản tạm giao ruộng lúa được thu thập có trong hồ sơ vụ án là bản chính, nên trong trường hợp không thu thập được bản chính Văn bản ủy quyền ngày 14/5/1995 cũng cần thiết phải giám định so sánh nét chữ ký với nhau, để làm cơ sở giải quyết vụ án vì nguyên đơn luôn cho rằng Văn bản ủy quyền trên là giả mạo.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu công nhận QSDĐ với tổng diện tích là 54.107,09m² thuộc các thửa đất 263, 264, 269, 270, 282, 283, 289, 295, 296, 297, 306, 307, 310, 311, 312, 316, 319, 348, 361, 372 tờ bản đồ số 31; các thửa đất số 149, 156, 165, 111, 112, 188A (314) tờ bản đồ số 32 và các thửa đất số 1, 3, 4, 5, 6, 9, 16, 17, 21, 22 tờ bản đồ 36 tọa lạc tại phường Long Toàn, thành phố Bà Rịa là di sản thừa kế của ông L. Công nhận cho bà Đ là người có quyền thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế do ông L để lại và được hưởng giá trị tương đương 7.729,7m². Tuy nhiên xét thấy, về diện tích đất thì tại Giấy ủy quyền ngày 14/8/1995 có nội dung “Tên tôi là Nguyễn Văn L... ủy quyền cho con gái tôi là Nguyễn Thị L... được thay tôi sử dụng, canh tác và chịu mọi trách nhiệm về phần ruộng tọa lạc tại phường Long Toàn, thị xã Bà Rịa... mang số địa bộ 817 + 885 tổng diện tích 3^m63 20...”. Như vậy cần làm rõ diện tích 3^m63 20 là bao nhiêu? Trong khi bà Nguyễn Thị L được UBND thị xã Bà Rịa cũ cấp GCNQSDĐ số M 499246 ngày 28/12/1998 với tổng diện tích là 61.024,6m². Vì vậy, cần làm rõ trong tổng diện tích 54.107,09 m² mà bà Đ yêu cầu công nhận là di sản thừa kế của ông L thì bà L có phần diện tích đất nào do bà L khai khẩn hay không. Vì tại bút lục số 139, bà L trình bày “... Tôi tiếp tục khai khẩn cùng với một số đất hoang nằm liền kề phần đất ba tôi khoảng 19.000m²... từ năm 1986 và tiến hành thủ tục đăng ký” nhưng cũng không được cấp sơ thẩm làm rõ.

Người khởi kiện yêu cầu xác định di sản là diện tích 54.107,09m², bà Đ yêu cầu được quy đổi ra giá trị bằng tiền vì bà L đã nhận tiền bồi thường. Tuy nhiên tại Quyết định số 6424/QĐ-UB ngày 27/12/2017 của UBND thành phố Bà Rịa chỉ thu hồi 28.482,8m² của bà Nguyễn Thị L để thực hiện đầu tư dự án trụ sở làm việc các đơn vị sự nghiệp của tỉnh với tổng kinh phí bồi thường là 40.755.687.100 đồng và bà L đã nhận số tiền nêu trên. Như vậy, cần phải xác định di sản của ông L là QSDĐ mà bà L đã nhận bồi thường, và diện tích đất còn lại là di sản của ông L còn lại (nếu có căn cứ) là bao nhiêu m² để tiến hành phân chia theo quy định của pháp luật.

Những thiếu sót nêu trên là ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục ngay được. Do đó cần chấp nhận một phần kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa sơ thẩm để xét xử lại.

[2] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị hủy nên người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 18, khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận một phần kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ là ông Nguyễn Thanh T.

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 8 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Sẽ được xem xét giải quyết khi vụ án được giải quyết lại.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Đ không phải chịu. Hoàn trả lại cho bà Đ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0007001 ngày 25/8/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Cục THADS tỉnh BR-VT;
- Nguyên đơn (1);
- Bị đơn (3);
- NLQ (9);
- Lưu VT (6), HS (2) T.26 (BA 36).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Long